

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07
tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định
liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 5275/QĐ-BNN-VP ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Danh mục thủ
tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 01 năm 2024 về
việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ
sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc
công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức
năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 52/TTr-SNN ngày 05 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 108 thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 291 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT: 09 TTHC							
1	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký. - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 151/QĐ-BNN ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Khoản 2, khoản, Điều 18, Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 4953/QĐ-BNN- TT ngày 22/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ		Không	Điều 16, Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 4647/QĐ-BNN- TT ngày 06/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận	- 15 ngày kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ hành	Không	Khoản 3 Điều 113, Nghị	PTNT

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp Giấy chứng nhận bị lỗi do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức được cấp	chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Qua dịch vụ bưu chính công ích		định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	
5	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Không	- Khoản 78 Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ 2022 - Khoản 2 Điều 113, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	
6	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mới)	- 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp Thẻ bị lỗi do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Khoản 3 Điều 112, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	
7	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mới)	01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Không	- Khoản 3 Điều 201, Luật Sở hữu trí tuệ - Khoản 2 Điều 112, Nghị định số 65/2023/NĐ-	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	
8	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	02 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến		Không	- Khoản 2 Điều 201, Luật Sở hữu trí tuệ - Khoản 4 Điều 113, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	
9	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	02 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến		Không	- Khoản 3 Điều 201, Luật Sở hữu trí tuệ - Khoản 4 Điều 112, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	

II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT: 08 TTHC

1	1.004363	Cấp giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - 16 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 76 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức/cá nhân khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn. - Qua dịch vụ bưu chính công ích 	800.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định 123//2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. 	Thực hiện theo Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.004346	Cấp lại giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - 16 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện 		800.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013. - Nghị định số 66/2016/NĐ- 	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hồ sơ. - 76 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức/cá nhân khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại.			CP ngày 01/7/2016 của của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	
3	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn .	600.000 đồng/lần	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật 2013. - Nghị định 181/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	Theo Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 26/10/2016; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	1.004509	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật 2013. - Nghị định 14/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
5	1.007931	Cấp giấy chứng nhận	13 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành	500.000 đồng	- Luật Trồng trọt năm	Thực hiện theo Quyết

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đủ điều kiện buôn bán phân bón	(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)	chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích		2018; - Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2017/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	định số 174/QĐ-BNN-BVTV ngày 09/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định số 4756/QĐ-BNN ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6	1.007932	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân) - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ)		200.000 đồng		
7	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc (kể cả ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)		Không	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ.	
8	1.003984	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối	01 ngày làm việc không kể thời gian		Không	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013.	Thực hiện theo Quyết định số 3585/QĐ-

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.	bổ sung, hoàn thiện hồ sơ			- Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
III. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 12 TTHC							
1	1.000084	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không		Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.000081	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn .	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	
3	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Thẩm quyền của Quốc hội - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 25 ngày làm việc. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc. - Thủ tướng Chính phủ: Theo Quy	tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017. - Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Thực hiện theo Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>ché làm việc của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc hội: Theo quy chế làm việc của Quốc hội. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 25 ngày làm việc. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc. - Thủ tướng Chính phủ: Theo Quy chế làm việc của Chính phủ. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 40 ngày làm việc. - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. 				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	1.000065	Chuyên loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không		
6	1.000058	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	
7	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 178/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/01/2024
8	1.007916	Chấp nhận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	- 22 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn). - Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		Không	Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022; Thông tư 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	Thực hiện theo Quyết định số 240/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + 57 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh. + 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh.				
9	1.007917	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với chủ dự án tự trồng rừng thay thế	- 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa) - 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực		Không	Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022; Thông tư 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			địa)				
10	1.007918	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022; Thông tư 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	Thực hiện theo Quyết định số 240/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Theo Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
IV. LĨNH VỰC KIỂM LÂM: 04 TTHC							
1	1.000047	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo,	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022	Thực hiện theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhiên.	định.	phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ		của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III Cites.	-05 ngày làm việc không cần kiểm tra thực tế kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>hồ sơ hợp lệ</i>) -30 ngày làm việc cần kiểm tra thực tế kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>hồ sơ không hợp lệ</i>).	https://dichvucong.phuyen.gov.vn. - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 4357a/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	3.000160	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ - Thông tư số 21/2021/TTBNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo quyết định 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	04 ngày làm việc; trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.		Không	Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ	Theo quyết định 4044/QĐ-BNNTCLN ngày 14/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
V. LĨNH VỰC THỦY SẢN: 22 TTHC							
1	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành	Không	Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông	Thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn .		ngành và Phát triển nông thôn	ngày 18/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	
3	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại.		5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất).	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	1.004684	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	- 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại.		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	
5	1.004913	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	Chính phủ	
7	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với xác nhận nguồn gốc. - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với xác nhận mẫu vật.		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	
8	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không		
9	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	- Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.				
10	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (<i>thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên</i>)	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	
11	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (<i>thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên</i>)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: trong thời hạn 07 ngày làm việc; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc. + Thẩm định		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.				
12	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
14	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		Không			
15	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá		Không			
16	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		- Cấp mới 40.000 đồng/lần - Cấp lại 20.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	
18	1.004344	Cấp văn bản	03 ngày		Không	- Luật Thủy	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá, thuê, mua tàu cá trên biển	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	
19	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ	
20	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần	-Luật Thủy sản năm 2017; -Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. -Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	- 20 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) - Hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa, phục hồi)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích	5% giá thiết kế	- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra		Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành theo Thông tư 94/2021/TT-BTC	- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính	

VI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM VÀ THỦY SẢN: 04 TTHC

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		700.000 đồng/cơ sở	Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022	Thực hiện theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;
2	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn .	700.000 đồng/cơ sở	Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022	
3	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích	Lệ phí cấp Giấy Chứng nhận xuất xứ: 40.000 đồng/lần cấp	Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/06/2016; Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Lệ phí cấp Giấy Chứng nhận xuất xứ: 40.000 đồng/lần cấp	Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VII. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI: 04 TTHC							
1	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ	- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn	Thực hiện theo Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020; 2732/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2022 của Bộ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức</p>	<p>https://dichvucong.phuyen.gov.vn. - Qua dịch vụ bưu chính công ích</p>	<p>sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính</p>	<p>nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính</p>	<p>Nông nghiệp và PTNT</p>

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</p>				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. 				
2	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch 		<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chăn nuôi năm 2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của 	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p>			Bộ Tài chính	
3	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra</p>		<p>- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần</p> <p>- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính).</p>	<p>- Luật Chăn nuôi năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</p> <p>- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính</p>	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p>				
4	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ</p>		<p>- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính).</p>	<p>- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính</p>	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				
VIII. LĨNH VỰC THÚ Y: 12 TTHC							
1	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y).	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới; - 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với gia hạn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn .	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	- Luật Thú y năm 2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNNVP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần		
3	2.002132	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú		Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở ấp trứng; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến,	- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Thực hiện theo Quyết định số 3812/QĐ-BNN-TY ngày 07/10/2022 của Bộ Nông

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			y hết hạn; - 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY.		kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật: 1.000.000 đồng/lần. Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.	- Thông tư số 10/2022/T T-BNNPTNT n ngày 14/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/T T-BNNPTNT n ngày 01/6/2016 - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính	ng nghiệp và PTNT
4	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	08 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000 đ/lần	-Luật Thú y năm 2015. -Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. -Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ -Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài	Thực hiện theo Quyết định số 4014/QĐ-BNN-TY ngày 24/10/2022; 3279/QĐ-BNNVP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						chính	
5	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	-Luật Thú y năm 2015. -Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. -Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. -Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn.	Thực hiện theo Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNNVP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
6	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần	-Luật Thú y năm 2015. -Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. -Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. -Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính	
7	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tinh)	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy		- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ	Thực hiện theo Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.</p>		<p>giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>	<p>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	
8	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ		<p>Phí thăm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</p> <p>- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	
9	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối		<p>- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú</p>	<p>- Luật Thú y năm 2015.</p> <p>- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày</p>	Thực hiện theo Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p>với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/T T- BNNPTNT , từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y</p> <p>- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật;</p>		<p>y</p> <p>- Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT -BTC ngày 14/11/2016</p>	<p>30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Thông tư số 35/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT- BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p>	<p>27/6/2019; 3279/QĐ- BNNVP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</p>

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng				
10	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1		- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	-Luật Thú y năm 2015. - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Điều 53 của Luật Thú y				
11	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục. 		<ul style="list-style-type: none"> - Phí thăm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính 	Thực hiện theo Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
12	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo 		<ul style="list-style-type: none"> - Phí thăm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT- 	Thực hiện theo Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>quy định: 30 ngày;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.</p>		<p>- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>	<p>BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p>	3 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
IX. LĨNH VỰC THỦY LỢI: 19 TTHC							
1	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Không	- Luật Thủy lợi năm 2017. - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi năm 2017. - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý				ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
3	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
4	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
5	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 10, 11, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
6	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17,	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	sơ hợp lệ theo quy định.			21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
7	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, 2, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 10, điểm c, khoản 11, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
8	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		UBND tỉnh					
9	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 10, 11, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
10	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
11	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.				Chính phủ; - Khoản 10, 11, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
12	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
13	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 17, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 12, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	
14	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 17, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 12, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh				Chính phủ.	
15	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Thủy lợi năm 2017. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
16	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi năm 2017. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	Thực hiện theo Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
17	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
18	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Thủy lợi năm 2017. - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
19	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Không quy định		Không		
X. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI: 03 TTHC							
1	1.008408	Phê duyệt việc tiếp	03 ngày kể từ ngày	Không quy định	Không	- Nghị định số	Thực hiện theo Quyết

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	nhận đủ hồ sơ theo quy định			50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ	định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan trả lời bằng văn bản gửi cơ quan chủ quản	Không quy định	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ	
3	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Không quy định	Không quy định	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ	
XI. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP: 03 TTHC							
1	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông (cấp tỉnh)	60 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.	Thực hiện theo Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn .			PTNT
2	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc	- Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc		Không		

XII. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG: 02 TTHC

1	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.	- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định: trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan quản lý có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Qua dịch vụ bưu chính công ích	150.000 đồng	- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007. - Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ - Thông tư số 28/2012/T-T-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 02/2017/T-T-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 183/2016/	Thực hiện theo Quyết định số 1299/QĐ-BNN-KHCN 29/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
---	----------	---	---	---	--------------	--	---

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			quản lý có thẩm quyền có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định: 05 ngày làm việc			TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 06/2020/T- T- BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	
2	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 30 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 65 ngày không kể thời gian hoàn thiện hồ sơ		Không	Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
XIII. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: 06 TTHC							
1	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thời hạn giải quyết 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghi định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.003712	Công nhận nghề truyền thống			Không		Thực hiện theo Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
3	1.003695	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ	
4	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống			Không		
5	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu		01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
6	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	<p>- Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p>		Không	<p>Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>	Thực hiện theo Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.